

Số: *216* /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Cấp trợ cấp Xã hội đối với sinh viên các lớp đại trà
trong học kỳ II năm học 2017 - 2018**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 28 tháng 8 năm 1998 về việc Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với Học sinh Sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/ BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

Căn cứ kết quả rà soát hồ sơ xin Cấp trợ cấp Xã hội của sinh viên các lớp đại trà khoá 5, 6, 7, 8 trong học kỳ II năm học 2017 – 2018 và biên bản họp Hội đồng ngày 17 tháng 4 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp trợ cấp Xã hội đối với sinh viên các lớp đại trà trong học kỳ II - năm học 2017 - 2018 cho 26 sinh viên (*Có Danh sách kèm theo*) thuộc đối tượng sinh viên là dân tộc thiểu số có hộ khẩu ở khu vực vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, con mồ côi, người tàn tật (không có khả năng lao động), trong đó:

- Khu vực đặc biệt khó khăn: 20 sinh viên.
- Con mồ côi: 05 sinh viên.
- Người tàn tật (không có khả năng lao động): 01 sinh viên.

Điều 2. Tổng kinh phí cấp trợ cấp xã hội: **17.000.000 đồng** (Mười bảy triệu đồng chẵn).

Thời gian hưởng: Học kỳ II năm học 2017 – 2018.

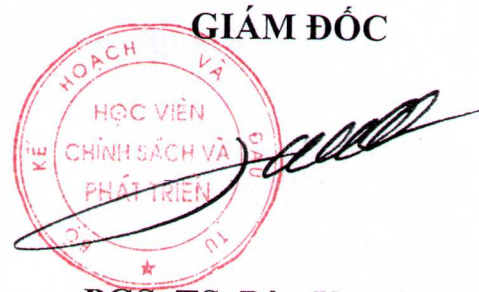
Nguồn cấp: **Ngân sách nhà nước.**

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Khoa QLSV;
- Phòng KHTC (03 bản);
- Lưu: TCHC, CTSV (02).

GIÁM ĐỐC



The stamp is circular and red, containing the text: "KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN" at the top, "HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ" in the center, and "TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING" at the bottom. A signature is written over the stamp.

PGS, TS. Đào Văn Hùng

Danh sách Sinh viên được cấp trợ cấp Xã hội trong học kỳ II năm học 2017 - 2018

(Kèm theo QĐ số 21/QĐ-HVCSPT ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Giám đốc Học viện)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng xét duyệt	Hưởng trợ cấp xã hội		Ghi chú
1	5053105041	Lành Văn Triệu	CSC 5	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
2	5063105006	Nguyễn Thị Diễm	CSC 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
3	5083105029	Bàng Thị Bích Ngọc	QLC 8	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
4	5083105045	Điều Chính Tuấn	QLC 8	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
5	5053101015	Đỗ Thị Hiền	KHPT 5A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
6	5063101147	Nguyễn Hoàng My	KHPT 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
7	5073101108	Bùi Thị Linh Chi	KHPT 7A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
8	5063106108	Bồ Thị Hòa	KTĐN 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
9	5063106105	Nguyễn Thị Thu Hiền	KTĐN 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
10	5073106114	Nguyễn Thu Thảo	KTĐN 7A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
11	5073106165	Nguyễn Thị Xuân	KTĐN 7B	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
12	5083106195	Đình Quỳnh Nga	KTĐN 8B	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng xét duyệt	Hưởng trợ cấp xã hội		Ghi chú
13	5053101241	Hồ Thị Thê	QHPT 5	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
14	5063101215	Bùi Thúy Lành	QHPT 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
15	5063101220	Cư Mú	QHPT 6	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
16	5073101111	Quàng Văn Đăng	Đầu tư 7B	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
17	5083101253	Hà Thị Xuyên	Đầu tư 8A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
18	5073101304	Hồ Thị Trâm Anh	QLĐT 7	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
19	5083401015	Bùi Thị Bích Hạnh	QTDN 8A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
20	5083401017	Hà Khánh Hưng	QTDN 8A	Vùng đặc biệt khó khăn	140.000 /1 tháng x 5 tháng =	700.000	
21	5063101159	Trần Thị Thanh Thảo	KHPT 6	Con mồ côi	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
22	5053106088	Phạm Thị Huyền	KTĐN 5	Con mồ côi	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
23	5053101302	Nguyễn Thị Ngọc Anh	QLĐT 5	Con mồ côi	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
24	5053401030	Ngô Thị Tuyết Nhung	QTDN 5	Con mồ côi	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
25	5073401044	Nguyễn Khánh Dương	QTDN 7	Con mồ côi	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
26	5063101129	Trần Thị Huế	KHPT 6	Người tàn tật (không có khả năng LĐ)	100.000 /1 tháng x 5 tháng =	500.000	
Tổng :						17.000.000	
					Viết bằng chữ: <i>Mười bảy triệu đồng.</i>		

+